

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sầm Thị Thiên

Bà Hà Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phòng Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phòng Thị T trình bày:

Chị Phòng Thị T với anh Trần Văn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 04/9/2008. Trước khi kết hôn hai vợ chồng

được tự do tìm hiểu nhau và kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc, vợ chồng luôn yêu thương nhau, cùng nhau chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình và con cái. Nhưng thời gian chung sống hạnh phúc chỉ kéo dài được đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là hai vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, thậm chí đôi khi còn đánh nhau. Bên cạnh đó anh Trần Văn N thường xuyên rượu chè cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình. Mặc dù chị Phòng Thị T và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Trần Văn N vẫn không thay đổi. Nay chị Phòng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không thể hòa hợp quay về chung sống với nhau được nữa, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị Phòng Thị T được ly hôn với anh Trần Văn N. Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Văn T, sinh ngày 29/12/2006 và Trần Thị Thúy L, sinh ngày 22/8/2008. Sau khi ly hôn chị Phòng Thị T đồng ý cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn T; chị Phòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thúy L cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh Trần Văn N kết hôn với chị Phòng Thị T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 04/9/2008. Quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị Phòng Thị T trình bày là đúng anh Trần Văn N không có ý kiến khác. Nay chị Phòng Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Trần Văn N không nhất trí vì anh Trần Văn N vẫn còn tình cảm với chị Phòng Thị T, anh Trần Văn N hứa sẽ thay đổi, không rượu chè, cờ bạc nữa và sẽ chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình. Về con chung: Vợ chồng anh Trần Văn N có 02 người con chung là Trần Văn T, sinh ngày 29/12/2006 và Trần Thị Thúy L, sinh ngày 22/8/2008. Đối với yêu cầu của chị Phòng Thị T là sau khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thúy L, anh Trần Văn N có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Văn T cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Văn N không đồng ý. Vì anh Trần Văn N không đồng ý ly hôn và muốn cả hai vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng cả hai người con chung cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Cháu Trần Văn T khai: Cháu là con của bố Trần Văn N và mẹ Phòng Thị T, hiện nay cháu đang chung sống cùng bố mẹ tại Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống cháu thấy bố, mẹ cháu sống với nhau hạnh phúc, đôi khi cũng có cãi, chửi nhau. Cháu không muốn bố và mẹ cháu ly hôn vì cháu rất yêu bố mẹ cháu nhưng nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho bố, mẹ cháu được ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với với bố cháu là Trần Văn N.

Cháu Trần Thị Thúy L khai: Cháu là con của bố Trần Văn N và Phòng Thị T, hiện nay cháu đang chung sống cùng bố mẹ tại Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống cháu thấy bố, mẹ cháu sống với nhau không hạnh phúc, bố mẹ cháu thường xuyên cãi, chửi nhau. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho bố, mẹ cháu được ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với với mẹ cháu là Phòng Thị T.

Tòa án nhân dân huyện Đình Lập tiến hành xác minh tại xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn là nơi chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N cư trú, xác định chị Phòng Thị T với anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện K, tỉnh Đ, đến ngày 07/4/2021 chuyển ra sinh sống tại Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, trong thời gian chung sống anh Trần Văn N và chị Phòng Thị T có xảy ra mâu thuẫn nhỏ và không sống ly thân, vợ chồng đã có với nhau 02 người con chung hiện nay đang sinh sống cùng với anh Trần Văn N, chị Phòng Thị T đi làm công nhân, cuộc sống hai con không bị ngược đãi, chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N không có khoản vay nợ chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn và con chung theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Phòng Thị T ly hôn anh Trần Văn N; về con chung, khi ly hôn giao cho chị Phòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Thúy L, sinh ngày 22/8/2008 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/12/2006 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và vay nợ chung không xem xét giải quyết do chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N không yêu cầu; về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn

án phí nhưng không có yêu cầu miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do không đồng ý ly hôn nên anh Trần Văn N tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã được nghe thông qua biên bản nhưng không ký, sau đó được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không hợp tác và không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, đến phiên tòa mở lần thứ 3 mới có mặt. Chị Phòng Thị T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Phòng Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn từ ngày 04/9/2008, việc kết hôn là tự nguyện không ai bị ép buộc nên được coi là hôn nhân hợp pháp; sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng chị Phòng Thị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là hai vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, thậm chí đôi khi còn đánh nhau, anh Trần Văn N thường xuyên rượu chè cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phòng Thị T.

[4] Về con chung, chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N có hai người con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/12/2006 và Trần Thị Thúy L, sinh ngày 22/8/2008. Chị Phòng Thị T yêu cầu anh Trần Văn N có trách nhiệm nuôi cháu Trần Văn T, nguyện vọng của cháu Trần Văn T cũng muốn ở cùng với anh Trần Văn N, việc giao cháu Trần Văn T cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo về quyền và lợi ích cho cháu Trần Văn T, vì vậy khi ly hôn cần giao cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Văn T cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phòng Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Thúy L là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Thị Thúy L, vì vậy khi ly hôn cần giao cho chị Phòng Thị T trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Thúy L cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N không cần cấp dưỡng nuôi con chung vì cả hai vợ chồng đều có trách nhiệm trực tiếp nuôi con như nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Phòng Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phòng Thị T ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung:

Giao cho chị Phòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Thúy L, sinh ngày 22/8/2008 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Văn T, sinh ngày 29/12/2006 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Phòng Thị T và anh Trần Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung : Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về vay nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Phòng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Phòng Thị T đã nộp đủ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003627, ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện K, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung